

Bản án số: 65/2018/HSPT

Ngày 24 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Thiện

Ông Nguyễn Minh Châu

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Bình, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:

ông Ngô Xuân Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2018/HSPT ngày 13/3/2018 đối với bị cáo Lê Văn T. do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị cáo kháng cáo: Lê Văn T. (Tên gọi khác: T. Bắc Kỳ) - Sinh năm 1989 tại Hải Dương; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Cha: Lê Văn T; Mẹ: Phạm Thị X.

Tiền án: Bản án số 11/2017/HSST ngày 20/2/2017 của TAND huyện X. xử phạt Lê Văn T. 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 4/4/2017.

Bị bắt: 6/9/2017 - Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Luật sư Bùi Quốc Tuấn và Luật sư Phạm Tấn Thuận thuộc Văn phòng luật sư Quốc Tuấn-Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X. và Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện X. thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 6/9/2017, Phan Anh Đ. là người nghiện ma túy gọi điện thoại đến cho Lê Văn T. để hỏi mua 300.000đồng ma túy đá. T. đồng ý và hẹn địa điểm giao hàng tại nhà Đ. Sau đó, T. liền gọi điện cho Đ1. (không rõ lai lịch) để mua 1.000.000đồng ma túy. Sau khi mua được ma túy, T. sử dụng một ít, số còn lại cất giấu. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T. điều khiển xe máy đến nhà Đ. bán cho Đ. 01 gói ma túy đá,

nhận số tiền 300.000đồng và cùng rủ nhau đi sử dụng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng tang vật.

Ngoài ra, trong các bản tự khai ngày 7/9/2017, 19/9/2017, 4/10/2017 và biên bản lấy lời khai các ngày 6/9/2017, 7/9/2017, 18/9/2017, 4/10/2017 tại cơ quan điều tra, bị cáo thừa nhận bán cho Đ. 5 lần nữa. Tuy nhiên, sau đó, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thay đổi lời khai, chỉ thừa nhận ngoài lần bị bắt quả tang thì chỉ bán cho Đức thêm 01 lần duy nhất nữa là ngày 5/9/2017 với số tiền 200.000đồng.

Tang vật thu giữ trên tay của Đ. bao gồm 01 gói nilon bên trong có chứa chất kết tinh không màu, trong suốt (niêm phong phong bì 02) và thu giữ của T. số tiền 300.000đồng và 01 gói nilon bên trong có chứa chất kết tinh không màu, trong suốt (niêm phong phong bì 01) cùng với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1200 màu đen, số IMEI 357984036120362, bên trong có sim số 0908795778 có dãy số 8401130251588835; 01 điện thoại di động hiệu OPPO –A39, số IMEI 1: 862049036256653, số IMEI 2: 862049036256646, bên trong có sim số 01668451505 có dãy số 8984048851000744842.

Theo bản kết luận giám định số 205/GĐ-PC54 ngày 13 tháng 9 năm 2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận: Gói ma túy thu giữ trên tay của Phan Văn Đ. được niêm phong trong phong bì số 02 có trọng lượng là 0,1877 gam, là chất ma túy, loại Methamphetamine; Gói ma túy thu giữ của Lê Văn T. được niêm phong trong phong bì số 01 có trọng lượng là 0,1346 gam, là chất ma túy, loại Methamphetamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X. đã quyết định:

Tuyên bố: Lê Văn T. (Tên gọi khác: T. Bắc Kỳ) phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Lê Văn T. 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 6/9/2017.

Án sơ thẩm cũng tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/02/2018, Lê Văn T. có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa có quan điểm: Bị cáo sinh ra trong một gia đình nghèo, nên phải bỏ học sớm, do đó, nhận thức bị hạn chế; bị cáo có bác ruột là liệt sỹ. Ngoài ra, tuy không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận, nhưng thực sự bị cáo trước đây đã có công giúp đỡ cơ quan điều tra chống ma túy của Bộ đội biên phòng triệt phá một số vụ án ma túy và vì việc này, khi bị giam giữ về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã bị trả thù. Vì vậy, đề nghị xem xét áp dụng điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo xuống dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát: Án sơ thẩm đã áp dụng đúng pháp luật, đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; các luật sư cho rằng năm 2015, bị cáo có công giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm triệt phá một số vụ án ma túy, nếu có thì cũng trước khi bị cáo phạm tội này, đồng thời không có cơ sở chứng minh, nên không chấp nhận; các tình tiết giảm nhẹ khác mà các luật sư đưa ra, không được chấp nhận theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T. gửi trong thời hạn quy định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

[2.1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhau và phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu giữ. Viện kiểm sát cấp sơ thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo về hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 05/9 và 06/9/2017, và áp dụng tình tiết định khung “Phạm tội nhiều lần” để xử phạt bị cáo là đúng đắn.

Trong quá trình điều tra, trong các bản tự khai khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung trước ngày 4/10/2017, T. khai có bán cho Đ. thêm 05 lần nữa. Các lời khai này phù hợp với lời khai của Phan Anh Đ, cả trong Biên bản đối chất ngày 01/12/2017 (BL. 79, 80). Xét có đủ cơ sở để truy tố bị cáo về hành vi 06 lần mua bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, do tại các bản khai, biên bản hỏi cung kế tiếp, bị cáo T. thay đổi lời khai, chỉ thừa nhận ngoài lần bị bắt quả tang thì chỉ bán ma túy cho Đ. thêm 01 lần duy nhất nữa vào ngày 5/9/2017 với số lượng 01 gói giá 200.000đồng. Do đó, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chỉ truy tố bị cáo bán ma túy 02 lần. Do giới hạn của việc xét xử, Tòa án sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo về 02 hành vi mà Viện kiểm sát đã truy tố. Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong đánh giá chứng cứ.

[2.2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Án sơ thẩm đã nhận định và áp dụng: Bị cáo đã bị kết án về hành vi “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà còn thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là đúng và đầy đủ.

Các tình tiết khác mà người bào chữa đưa ra để đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là chưa có cơ sở và không đúng quy định của pháp luật, nên không chấp nhận.

Xét hình phạt 07 năm 06 tháng tù mà Tòa sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là không nặng nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

Áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Tuyên bố: Lê Văn T. (Tên gọi khác: T. Bắc Kỳ) phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt: Lê Văn T. 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 6/9/2017.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện X. không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T. phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh BR– VT;
- PV 27 Công an tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Tòa án nhân dân huyện X;
- Viện KSND huyện X;
- Công an huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND thị trấn P;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hiến

